

**CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
TRƯỜNG TH SỐ 1 QUÀI NỬA**

*(Thực hiện theo Mục 3- Điều 8 - Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Điều 8: ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO
DỤC PHỔ THÔNG**

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

**a) Số lượng CBQL, giáo viên và nhân viên chia theo vị trí việc làm và
trình độ đào tạo:**

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng CDNN	
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	II	III
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28	0	0	24	3	0	1	7	16
I	Cán bộ quản lý	1	0	0	1	0	0	0	1	0
1	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	1	0
II	Giáo viên	22	0	0	21	1	0	0	6	16
III	Nhân viên	5	0	0	2	0	0	0		
	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung		0		0	0		0		
1	Văn thư		0	0		0	0	0		
2	Kế toán	1	0	0	1	0	0	0		
3	Thủ quỹ		0	0		0	0	0		
4	Thư viện	1	0	0		1	0	0		
5	Y tế	1	0	0	1	0	0	0		
	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	2	0	0	0	1	0	1		
1	Nhân viên bảo vệ	1	0	0	0	0	0	1		
3	Nhân viên phục vụ	1	0	0	0	1	0	0		

b) Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	Đạt	Kém
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên					
I	Cán bộ quản lý	1	1	0	0	0
1	Hiệu trưởng	0	0	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	1	0	0	0
II	Giáo viên	22	16	5	1	0
Tổng cộng		23	17	5	1	0
Tỷ lệ %		100	73,9	21,8	4,3	0

c) Số lượng, tỷ lệ CBQL, Gv hoàn thành BDTX hàng năm

STT	Nội dung	Tổng số	Bồi dưỡng thường xuyên	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên			
I	Cán bộ quản lý			
1	Hiệu trưởng	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	1	0
II	Giáo viên	22	22	0
Tỷ lệ %		100	100	0

2. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có 01 điểm trường chính và 01 điểm trường lẻ. Tổng diện tích 11.082,5 m²/414HS đạt 28,6m²/HS.

- Trung tâm có diện tích là 9.724.9m² học sinh, trung bình đạt 35 m²/HS

- Điểm trường bản Chá có diện tích là 1357.6 m² trung bình đạt 10 m²/HS

- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; đảm bảo theo quy định

Diện tích xây dựng trường, điểm trường bình quân tối thiểu 10m²/HS.

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 HS của trường	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (theo 2a Điều 9, chương III Thông tư	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
--	---	---

	13)	
28,6m ² /HS	10m ² /HS	Đạt

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng hỗ trợ học tập, khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ, khu sân chơi, thể dục thể thao, khối phục vụ sinh hoạt, hạ tầng kỹ thuật, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Tên phòng	Hiện trạng	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	20 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	2 phòng 20 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị 1 văn phòng theo quy định hiện hành	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
3	Văn phòng trường	60,16 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
4	Phòng bảo vệ	12 m ² ở vị trí thuận tiện	Đặt ở vị trí thuận lợi để quan sát	Đạt
5	Khu vệ sinh GV, cán bộ, nhân viên	43,3m ² Có 2 nhà vệ sinh được thiết kế phòng nam, nữ riêng biệt, Phòng Vệ	Bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 01	Đạt

		sinh nam có 5 chậu tiêu/7 người, 2 chậu xí/7 người , 1 chậu rửa tay. Phòng vệ sinh nữ : 2 chậu xí /21 người, 5 chậu tiêu/ 21 người, 1 chậu rửa tay/ 21 người	chậu tiêu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;	
5	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	50m2	Có mái che và đủ chỗ để xe cho CBQL, giáo viên nhân viên	Đạt
II	Khối phòng học tập			
1	Phòng học	15 lớp/15 phòng bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và	Đảm bảo mỗi lớp có 1 phòng học riêng được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.	Đạt

		hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.		
2	Phòng học bộ môn			Đạt
a	Âm nhạc	1 phòng = 51,4m ²	Có tối thiểu 1 phòng	Đạt
b	Mĩ Thuật	1 phòng = 39m ²		Đạt
c	Tin học	1 phòng = 43m ²	Có tối thiểu 1 phòng	Đạt
d	Ngoại ngữ	1 phòng = 43m ²	Có tối thiểu 1 phòng	Đạt
e	Phòng đa chức năng	1 phòng = 148m ²	Có tối thiểu 1 phòng	Đạt
III	Khối phòng hỗ trợ học tập			
1	Thư viện	2 phòng (1 phòng ở trung tâm, 1 phòng ở điểm bản Chá) có đầy đủ các trang thiết bị theo quy định	Có tối thiểu 1 phòng, mỗi điểm trường có tủ sách dùng chung; Thư viện tối thiểu có các khu chức năng: kho sách, nơi làm việc của nhân viên TV, khu đọc sách dành riêng cho GV và HS.	Đạt
2	Thiết bị GD	1 phòng, có đầy đủ các trang thiết bị theo quy định	Có tối thiểu 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;	Đạt
3	Tư vấn học đường và hỗ trợ GDHSKT	1 phòng, bố trí ở tầng 1	Có tối thiểu 1 phòng, bố trí ở tầng 1	Đạt

4	Phòng truyền thống	Kết hợp cùng phòng truyền thống, được trang thiết bị đầy đủ theo quy định	Có tối thiểu 1 phòng trang thiết bị đầy đủ. Có thể kết hợp cùng phòng truyền thống,	Đạt
5	Phòng Đội thiếu niên	1 phòng, được trang thiết bị đầy đủ theo quy định	Có tối thiểu 1 phòng trang thiết bị đầy đủ	Đạt
IV	Khối phòng phụ trợ			
1	Phòng y tế	1 phòng 20m ² bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;	Bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;	Đạt
2	Nhà kho	2 nhà = 62m ²	Bảo đảm có 01 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường;	Đạt
3	Khu để xe học sinh	2 nhà Có mái che; bố trí khu vực gần lối ra/vào	Có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào;	Đạt
4	Khu vệ sinh học sinh	2 nhà = 120m ² , có phòng vệ sinh riêng biệt cho học sinh nam và nữ , mỗi nhà vệ sinh đều có	Bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam 01	Đạt

		chỗ rửa tay cho học sinh. Nhà vệ sinh được thiết kế đảm bảo theo quy định. Khu nhà vệ sinh đặt ở nơi phù hợp không làm ảnh hưởng đến môi trường.	tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh (trường hợp làm máng tiểu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 học sinh. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;	
5	Cổng, hàng rào	Khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây, bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.	Khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.	Đạt
V. KHU SÂN CHƠI, THỂ DỤC THỂ THAO				
1	Sân chơi	Có 01 sân chơi điểm trung tâm rộng 3000m ² ;	Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng	Đạt

		01 sân chơi điể ̣ m bả ̣ n Chá rộ ̣ ng 700m ² , cả 2 điể ̣ m trườ ̣ ng sâ ̣ n chơ ̣ i đê ̣ u đượ ̣ c lát gặ ̣ ch bằ ̣ ng phẳ ̣ ng, trê ̣ n sâ ̣ n trườ ̣ ng đê ̣ u có câ ̣ y bó ̣ ng má ̣ t	phẳ ̣ ng, có câ ̣ y xan ̣ h bó ̣ ng má ̣ t;	
2	Sân thể dục thể thao	01 sân rộ ̣ ng 3000m ²	Sân thể dục thể thao bảo đả ̣ m an toà ̣ n và có đứ ̣ ng cụ, thiế ̣ t bị vậ ̣ n độn ̣ g cho học sinh.	Đạt

VI. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1	Hệ thống cấp nước sạch	Có 01 công trình nước sạch, hệ thống thoát nước đả ̣ m bảo theo quy địn ̣ h	Hệ thống cấp nước sạch: đắ ̣ p ứ ̣ ng nhu cầu sử dụn ̣ g, bảo đả ̣ m các quy địn ̣ h và tiêu chuy ̣ n chấ ̣ t lượ ̣ ng nước theo quy địn ̣ h hiệ ̣ n hàn ̣ h; hệ thống thoá ̣ t nước, công thu gom kết hợ ̣ p rẫ ̣ n có nắp đậ ̣ y và hệ thống xử lý nước thả ̣ i bảo đả ̣ m chấ ̣ t lượ ̣ ng nước thả ̣ i theo quy địn ̣ h trướ ̣ c khi thả ̣ i ra môi trườ ̣ ng;	Đạt
2	Hệ thống cấp điện	Bả ̣ o đả ̣ m đủ công suấ ̣ t và an toà ̣ n phục vụ hoặ ̣ t độn ̣ g	Bả ̣ o đả ̣ m đủ công suấ ̣ t và an toà ̣ n phục vụ hoặ ̣ t độn ̣ g của trườ ̣ ng	Đạt

		của trường		
3	Hạ tầng CNTT, liên lạc	Có điện thoại, hệ thống mạng đảm bảo.	Điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;	Đạt
4	Khu thu gom rác thải	Có 01 khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, đảm bảo theo quy định	Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.	Đạt

c) Số lượng thiết bị dạy học hiện có, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

15/15 bộ đồ dùng tối thiểu theo quy định đảm bảo 1 bộ/lớp, các thiết bị đồ dùng khác đảm bảo so với yêu cầu; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:
Đạt

Một số thiết bị dạy học hiện có:

TT	Tên thiết bị	Số lượng	ĐV tính
1	Ti vi	1	cái
2	Nhạc cụ (Đàn organ)	15	cái
3	Máy chiếu	22	cái

4	Máy phô tô	1	cái
5	Tăng âm, loa đài	2	cái
6	Thiết bị khác (Bộ học trực tuyến)	1	Bộ
7	Bàn ghế đúng quy cách của trẻ (Bộ)	250	Bộ
8	Máy tính	30	Bộ
9	Màn hình hiển thị, bảng tương tác	1	Bộ

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và ĐT

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trong trường Tiểu học số 1 Quài Nưa. Năm học 2020-2021

TT	Bộ sách	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, ... ,Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Toán 1	Hà Huy Khoái, Lê Anh Vinh, Nguyễn Áng,...,Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tự nhiên và xã hội 1	Vũ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thán,...,Hoàng Quý Tinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan, Trần Thành Nam, Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Mĩ Thuật 1	Đình Gia Lê, Trần Thị Biền, Phạm Duy Anh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Cánh diều	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn, Đỗ Thanh Hiền	Nhà xuất bản TPHCM
7	Cánh diều	Giáo dục thể chất	Vũ Văn Hùng, Nguyễn Thị	Nhà xuất bản TPHCM

		1	Thần,...,Hoàng Quý Tinh	
8	Cánh diều	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang, Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiệp, Ngô Quang Quế	Nhà xuất bản TPHCM

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 2 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trong trường Tiểu học số 1 Quài Nưa. Năm học 2021-2022

TT	Bộ sách	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tiếng Việt 2	Tổng chủ biên: Bùi Mạnh Hùng Chủ Biên: Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương Tác giả: Hồ Hồng Dương- Vũ Thị Thanh Hương - Trịnh Cẩm Lan- Vũ Thị Lan- Trần Kim Phượng- Nguyễn Ngọc Minh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Toán 2	Tổng chủ biên: Hà Huy Khoái, Chủ biên: Lê Anh Vinh Tác giả: Nguyễn Áng-Bùi Bá Mạnh- Vũ Văn Dương- Nguyễn Minh Hải- Hoàng Quế Hương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đạo đức 2	Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Toan Chủ biên: Trần Thành Nam Tác giả: Lê Thị Tuyết Mai- Nguyễn Thị Hoàng Anh - Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tự nhiên và xã hội 2	Tổng chủ biên: Vũ Văn Hùng Chủ biên: Nguyễn Thị Thần	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

			Tác giả: Đào Thị Hồng – Phương Hà Lan - Hoàng Quý Tĩnh- Phạm Việt Quỳnh	
5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục thể chất 2	Tổng chủ biên: Nguyễn Duy Quyết- Hồ Đắc Sơn Chủ biên: Lê Anh Thơ Tác giả: Đỗ Mạnh Hưng; Vũ Văn Thịnh -Vũ Thị Hồng Thu - Vũ Thị Thu - Phạm Mai Vương- Nguyễn Thành Chung- Nguyễn Duy Tiến	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Âm nhạc 2	Tổng chủ biên: Đỗ Thị Minh Chính- Hoàng Long Chủ biên: Đỗ Thị Minh Chính- Hoàng Long Tác giả: Mai Linh Chi- Nguyễn Thị Phương Mai- Đặng Khánh Nhật- Nguyễn Thị Thanh Vân- Nguyễn Thị Thanh Bình- Nguyễn Thị Nga- Trần Thị Kim Thăng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Mĩ Thuật 2	Tổng chủ biên: Đoàn Thị Mỹ Hương- Đinh Gia Lê Chủ biên: Trần Thị Biên Tác giả: Phạm Duy Anh- Bạch Ngọc Diệp- Trần Thị Thu Trang- Bùi Quang Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoạt động trải nghiệm 2	Tổng chủ biên: Lưu Thu Thủy-Bùi Sỹ Tụng Chủ biên: Nguyễn Thanh Bình Tác giả: Vũ Thị Lan Anh- Lê Thị Luận- Trần Thị Thu- Trần Thị Tố Oanh- Bùi Thị Liên Hương-	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

			Nguyễn Thanh Bình	
9	English Discovery	Tiếng Anh 2	CB: Lưu Kim Nhung- Đỗ Thị Nga	NXB Đại học Sư Phạm

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 3 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trong trường Tiểu học số 1 Quài Nưa năm học 2022-2023

TT	Bộ sách	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tiếng Việt 3	Tập 1: Tổng Chủ biên; Bùi Mạnh Hùng, Chủ biên : Trần Thị Hiền Lương Tác giả: Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng Tập 2: Tổng Chủ biên: Bùi Mạnh Hùng, Chủ biên: Trần Thị Hiền Lương ; Tác giả:Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Kết nối tri thức với cuộc sống (gồm 2 tập)	Toán 3	Tổng Chủ biên: Hà Huy Khoái; Chủ biên: Lê Anh Vinh; Tác giả: Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đạo đức 3	Tổng Chủ biên: Nguyễn Thị Toan, Chủ biên, Tác giả: Trần Thành Nam Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tự nhiên và xã hội 3	Tổng Chủ biên: Vũ Văn Hùng, Chủ biên: Nguyễn Thị Thấn; Tác giả: Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Kết nối tri thức với	Giáo dục	Tổng Chủ biên: Nguyễn Duy Quyết ; Chủ biên: Nguyễn Hồng Dương Tác	Nhà xuất bản Giáo dục Việt

	cuộc sống	thể chất 3	giả: Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nam
6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Âm nhạc 3	Tổng Chủ biên: Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính Chủ biên: Nguyễn Thị Thanh Bình Tác giả: Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Mĩ Thuật 3	Tổng Chủ biên Nguyễn Xuân Nghi, Chủ biên: Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương; Tác giả: Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoạt động trải nghiệm 3	Tổng Chủ biên :Luu Thu Thủy, Chủ biên: Nguyễn Thụy Anh, Tác giả: Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Công nghệ 3	Tổng Chủ biên: Lê Huy Hoàng; Chủ biên: Đặng Văn Nghĩa Tác giả: Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	(I-earn-Smatrt Start)	Tiếng Anh 3	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên); Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thị Uyên Sa (Tác giả)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tin học 3	Tổng chủ biên: Nguyễn Chí Công; Chủ biên: Hoàng Thị Mai Tác giả: Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Danh mục Sách giáo khoa lớp 4 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trong trường Tiểu học số 1 Quài Nưa năm học 2023-2024

TT	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quốc Hùng, Bùi Bá Mạnh.	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh,	Giáo dục Việt Nam

		Nguyễn Ngọc Dung.	
4	LS&ĐL 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	Giáo dục Việt Nam

7	<p>Công nghệ 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)</p>	<p>Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.</p>	<p>Giáo dục Việt Nam</p>
8	<p>Giáo dục thể chất 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)</p>	<p>Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.</p>	<p>Giáo dục Việt Nam</p>
9	<p>Âm nhạc 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)</p>	<p>Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.</p>	<p>Giáo dục Việt Nam</p>
10	<p>Mĩ thuật 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)</p>	<p>Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.</p>	<p>Giáo dục Việt Nam</p>

11	Hoạt động trải nghiệm 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Oanh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4 (i-Learn Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương.	NXBĐHSP TPHCM

Danh mục Sách giáo khoa lớp 5 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trong trường Tiểu học số 1 Quài Nưa năm học 2024-2025

TT	Bộ sách	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm.	
2	Kết nối tri thức với	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt

	cuộc sống		Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nam
3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh..	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Mĩ Thuật 5	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Kết nối tri thức với cuộc sống	HĐ trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 5 (i-Learn Smart Start)	Tiếng Anh 5	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung.	NXBDHSP TPHCM

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x

Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: Đạt mức: 3

1.2. Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả	Ghi chú
----------	---------	---------

	Đạt	Không đạt	
1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục		X	
2. Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.		X	
3. Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.		X	
4. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.		X	
5. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện KTXH tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.		X	

Kết quả: Không Đạt mức 4.

Kết luận: Trường đạt Mức 3

Trường TH số 1 Quài Nưa tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục thông qua các mốc thời gian; kế hoạch

Năm học 2020-2021 trường đạt trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 và trường chuẩn Quốc Gia mức 2 theo QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc công nhận các trường Mầm non, trường phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn Quốc gia.

Sau kiểm tra nhà trường đã kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.

4 . Thời gian và cam kết công khai

- **Thời gian công khai:** 90 ngày kể từ ngày 15/09/2025 đến ngày 15/12/2025
- **Hình thức công khai:** Niêm yết tại trường; đăng tải trên trang thông tin điện tử
- **Cam kết:** Nội dung công khai trên là đúng thực tế, đúng quy định.

Người lập: Nguyễn Thị Dịu

Người duyệt: Trần Thị Thủy Vân – Phó Hiệu trưởng